

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG TÈ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án: 04/2020/HNGĐ - ST.

Ngày 20/8/2020.

V/v: “*Ly hôn, nuôi con và chia tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG TÈ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Xuân Định

2. Ông: Phạm Hùng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè tham gia phiên toà: Ông
Bùi Ngọc Chín -Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2020 /TLST- HNGĐ, ngày 5 tháng 6 năm 2020, về “*Ly hôn, nuôi con, chia tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST, ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị N - Sinh năm 1985

- Nơi ĐKKHKT: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh C.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn V - Sinh năm 1994

- Nơi ĐKKHKT: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày: Ngày 24/6/2016 chị và anh V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, sau khi kết hôn cuộc sống chung của hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cự nhau, anh V không kiềm chế được nóng giận nên hay đánh vợ, hiện tại vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, chị thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên chị làm đơn khởi kiện ra Tòa án xin ly hôn với anh V; yêu cầu chia tài sản và nuôi con.

Về tài sản chung gồm có:

- Về đất ở: Thửa đất số 17 - Tờ bản đồ số 37 - Diện tích 147,3m² - Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng - Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn - Thời hạn sử dụng: Lâu dài - Nguồn gốc sử dụng: Tách thửa chuyển nhượng và cấp mới từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 336817 và nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất - Sổ vào sổ cấp GCN: CS02271 - Sổ sổ: CS 108702 - Do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lai Châu cấp ngày 23/03/2020 - Mang tên ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1994 - CMND số 135732546 - Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh C.

- Về nhà ở: Loại nhà cấp 4; mái lợp tôn; 03 (Ba) gian bao gồm: 01 gian khách, 01 phòng ngủ, 01 gian bếp, 01 gian vệ sinh; Nền láng xi măng; Diện tích xây dựng 100m²; Diện tích sàn 100m².

- Tài sản chung: 01 (Một) xe máy Xsaito 150; 01 (Một) xe máy Waveanf; 02 (Hai) phi xăng; 01 (Một) âm ly nhãn hiệu JaruGaEr; 04 (Bốn) loa nhãn hiệu BMB; 01 (Một) tủ lạnh SaNa; 01 (Một) tủ lạnh SaNaKy; 01 (Một) lò nướng bánh mỳ; 01 (Một) máy trộn bột bánh mỳ; 01 (Một) lò hộc bánh mỳ ba ngăn; 01 (Một) lò hộc bánh mỳ một ngăn; 02 (Hai) giàn ủ bánh mỳ tự chế; 01 (Một) ti vi FoZi 21 inh; 01 (Một) két sắt nhãn hiệu DaEkim; 01 (Một) nồi cơm điện nhãn hiệu SunHouse; 01 (Một) bình nóng lạnh nhãn hiệu Rossi; 01 (Một) giá sắt để khay bánh mỳ; 157 khuôn bánh mỳ; 01 (Một) máy đánh trứng; 01 (Một) máy bơm nước; 01 (Một) máy bơm rửa xe; 01 (Một) tủ kính đựng bánh mỳ; 01 (Một) đầu máy nổ đã hỏng; 01 (Một) máy hàn túi ni lon; 02 (Hai) quạt điện cơ; 01 (Một) bể nước; 01 (Một) bếp ga Palona; 01 (Một) tủ sắt hai cánh treo quần áo; 01 (Một) tủ nhựa năm ngăn đựng quần áo; 13 xô nhựa đựng bột mỳ; 15 cái bát ăn cơm; 03 (Ba) chậu nhựa giặt quần áo; 10 đôi đũa ăn cơm; 01 (Một) máy đập nắp chà sữa Eton. Khi ly hôn chị nhất trí để lại toàn bộ tài sản chung cho chồng con bằng hiện vật và yêu cầu được chia đôi tài sản theo giá trị.

- Tài sản riêng có trước khi kết hôn của chị gồm có: 02 (Hai) giường đôi bằng gỗ; 01 (Một) tủ lạnh Phumyky; 01 (Một) máy giặt TosiHba; 01 (Một) két sắt Việt tiếp; 57 khuôn bánh mỳ bằng tôn sắt có giá trị và 02 (Hai) bộ chăn ga, gối đệm. Khi ly hôn chị có yêu cầu được nhận lại phần tài sản riêng.

- Về con chung: Chị và anh V có 01 (Một) con chung là Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 18/6/2017, hiện tại con đang ở với ông bà nội, khi ly hôn chị nhất trí giao con cho anh V chăm sóc nuôi dưỡng, chị có đề nghị anh V không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con do hoàn cảnh của chị hiện tại rất khó khăn về kinh tế.

- Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn Nguyễn Văn V trình bày: Anh xác nhận một phần lời khai của chị N là hoàn toàn đúng sự thật, anh hoàn toàn chấp nhận, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật toàn bộ các yêu cầu trên của chị N, ngoài ra không có yêu cầu, đề nghị nào khác.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020 Toà án cùng các cơ quan chuyên môn đã xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá theo yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị N, kết quả như sau:

1. Về đất ở diện tích 147,3 m² có giá trị = 147.300.000 đồng; Về nhà ở có giá trị = 25.000.000 đồng.

2. Tài sản khác bao gồm: 01 (Một) xe máy Xsaito 150 có giá trị = 33.000.000 đồng; 01 (Một) xe máy Waveanf có giá trị = 1.200.000 đồng; 02 (Hai) phi xăng có giá trị = 2.000.000 đồng; 01 (Một) âm ly nhãn hiệu Jaru có giá trị = 800.000 đồng; 04 (Bốn) loa nhãn hiệu BMB có giá trị = 1.200.000 đồng; 01 (Một) tủ lạnh SaNaky có giá trị = 2.000.000 đồng; 01 (Một) tủ lạnh SaNaKy 02 ngăn có giá trị = 800.000 đồng; 01 (Một) lò nướng bánh mỳ có giá trị = 42.000.000 đồng; 01 (Một) máy trộn bột bánh mỳ có giá trị = 6.800.000 đồng; 01 (Một) lò hộc bánh mỳ ba ngăn có giá trị = 11.600.000 đồng; 01 (Một) lò hộc bánh mỳ một ngăn có giá trị = 3.200.000 đồng; 02 (Hai) giàn ủ bánh mỳ tự chế có giá trị = 1.200.000 đồng; 01 (Một) ti vi FoZi 21 inch có giá trị = 2.800.000 đồng; 01 (Một) két sắt nhãn hiệu DaEkim có giá trị = 400.000 đồng; 01 (Một) nồi cơm điện nhãn hiệu SunHouse có giá trị = 720.000 đồng; 01 (Một) bình nóng lạnh nhãn hiệu Rossi có giá trị = 800.000 đồng; 01 (Một) giá sắt để khay bánh mỳ có giá trị = 80.000 đồng; 100 khuôn bánh mỳ bằng tôn sắt có giá trị = 4.000. 000 đồng; 01 (Một) máy đánh trứng có giá trị = 3.800.000 đồng; 01 (Một) máy bơm nước có giá trị = 160.000 đồng; 01 (Một) bơm rửa xe có giá trị = 600.000 đồng; 01 (Một) tủ kính đựng bánh mỳ có giá trị = 400.000 đồng; 01 (Một) đầu máy nổ 24 (Trung Quốc) đã hỏng có giá trị = 400.000 đồng; 01 (Một) máy hàn túi ni lon có giá trị = 400.000 đồng; 02 (Hai) quạt điện cơ có giá trị = 160.000 đồng; 01 (Một) bể nước xây gạch có giá trị = 400.000 đồng; 01 (Một) bếp ga Palona có giá trị = 480.000 đồng; 01 (Một) tủ sắt hai cánh treo quần áo có giá trị = 120.000 đồng; 01 (Một) tủ nhựa năm ngăn đựng quần áo có giá trị = 320.000 đồng; 13 xô nhựa đựng bột mỳ có giá trị = 1.300.000 đồng; 15 cái bát ăn cơm có giá trị = 28.000 đồng; 03 (Ba) chậu nhựa giặt quần áo có giá trị = 120.000 đồng; 10 đôi đũa cũ ăn cơm có giá trị = 8.000 đồng; 01 (Một) máy đập nắp chà sữa Eton có giá trị = 400.000 đồng. Toàn bộ số tài sản trên có tổng giá trị là 298.276.000 đồng. **(Hai trăm chín mươi tám triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn đồng)**. Các bên đương sự trong vụ án có mặt và đều nhất trí với kết quả thẩm định, định giá tài sản, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên Tòa hôm nay các đương sự tự nguyện thống nhất được với nhau để giải quyết các yêu cầu về: Quan hệ hôn nhân, nuôi con và chia tài sản chung theo giá trị định giá làm hai phần bằng nhau, bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật thì thanh toán cho bên kia phần giá trị chênh lệch; về tài sản riêng của nguyên đơn đề nghị không giải quyết, ngoài ra không có yêu cầu, đề nghị nào khác.

Phát biểu ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng về nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo các Điều 48, 51, 239, 243, 247, 248, 249, 250, 251, 260 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, chấp nhận: Yêu cầu xin ly hôn của chị N; ghi nhận về thỏa thuận nuôi con chung, chia tài sản chung; Các đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp xuất phát từ quan hệ “Hôn nhân” do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, nuôi con và chia tài sản” quy định tại Điều 5, 28, 35 bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh C.

[3]. Về Quan hệ hôn nhân: giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nãng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh V không có hạnh phúc, anh V hay ghen tuông, xúc phạm vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tháng 11/2016 chị N đã phải bỏ nhà ra ngoài sống ly thân. Anh V không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

[4]. Về tài sản chung: Tại phiên Tòa, các đương sự đã thống nhất được với nhau và đều có yêu cầu chia tài sản chung của hai vợ chồng bằng giá trị, nguyên đơn Nguyễn Thị N tự nguyện, nhất trí giao lại toàn bộ tài sản bằng hiện vật cho anh V tiếp tục sở hữu để đảm bảo cuộc sống và nuôi con sau ly hôn, anh V hoàn toàn nhất trí. Căn cứ Điều 33; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

[5]. Về con chung: Tại phiên Tòa các đương sự thống nhất được với nhau, nhất trí giao 01 (Một) con chung là Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 18/6/2017, cho anh V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ tròn 18 tuổi. Chị N có quyền thăm non con không được ai cản trở. Anh V không yêu cầu chị N phải

cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Xét thấy đây là quyết định tự nguyện của các đương sự, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 8.020.000 đồng (Tám triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), Tòa án đã chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng số tiền là 8.020.000 đồng (Tám triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) cho hội đồng định giá. Chị N và anh V đều nhất trí yêu cầu chia đôi tài sản chung nên mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.010.000 đồng (8.020.000 đồng/2). Do đó, anh V phải hoàn phải trả lại cho chị N số tiền 4.010.000 đồng.

[8]. Về án phí: nguyên đơn Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003858 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh C, và án phí giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản chung được chia. Nguyên đơn Nguyễn Thị N phải nộp 7.456.900 đồng; bị đơn Nguyễn Văn V phải nộp 7.456.900 đồng.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 104; Điều 147; Điều 156; khoản 2 Điều 157; Điều 164; điểm khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ - UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 5 Điều 42 Pháp lệnh số: 02/2012/NQ - UBTVQH 13 quy định về chi phí định giá tài sản trong tố tụng; Điều 51; Điều 56; Điều 59; Điều 81 và Điều 82 Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn V.
2. Về con chung: Giao 01 (Một) con chung là Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 18/6/2017, cho anh Nguyễn Văn V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ tròn 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị N có quyền thăm non con không được ai cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.
4. Về chia tài sản chung: Giao toàn bộ tài sản chung bằng hiện vật cho bị đơn Nguyễn Văn V, cụ thể như sau:

4.1. Về đất ở: Thửa đất số 17 - Tờ bản đồ số 37 - Diện tích 147,3m² – Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng - Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn - Thời hạn sử dụng: Lâu dài - Nguồn gốc sử dụng: Tách thửa chuyển nhượng và cấp mới từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 336817 và nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất - Sổ vào sổ cấp GCN: CS02271 - Số sổ: CS 108702 - Do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lai Châu cấp ngày 23/03/2020 - Mang tên ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1994 - CMND số 135732546 - Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh C.

4.2. Về nhà ở: 01 (Một) căn nhà: Loại nhà cấp 4; mái lợp tôn; 03 (Ba) gian bao gồm: 01 gian khách, 01 phòng ngủ, 01 gian bếp, 01 gian vệ sinh; Nền láng xi măng; Diện tích xây dựng 100m²; Diện tích sàn 100m² cho bị đơn Nguyễn Văn Vương được trực tiếp sử dụng - Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh C.

4.3. Các tài sản khác: 01 (Một) xe máy Xsaito 150 có giá trị: 33.000.000 đồng; 01 (Một) xe máy Waveanf có giá trị: 1.200.000 đồng; 02 (Hai) phi xăng có giá trị: 2.000.000 đồng; 01 (Một) âm ly nhãn hiệu Jaru có giá trị: 800.000 đồng; 04 (Bốn) loa nhãn hiệu BMB có giá trị: 1.200.000 đồng; 01 (Một) tủ lạnh SaNaKy có giá trị: 2.000.000 đồng; 01 (Một) tủ lạnh SaNaKy02 ngăn có giá trị: 800.000 đồng; 01 (Một) lò nướng bánh mì có giá trị: 42.000.000 đồng; 01 (Một) máy trộn bột bánh mì có giá trị: 6.800.000 đồng; 01 (Một) lò hộc bánh mì ba ngăn có giá trị: 11.600.000 đồng; 01 (Một) lò hộc bánh mì một ngăn có giá trị: 3.200.000 đồng; 02 (Hai) giàn ủ bánh mì tự chế có giá trị: 1.200.000 đồng; 01 (Một) ti vi FoZi 21 inch có giá trị: 2.800.000 đồng; 01 (Một) két sắt nhãn hiệu DaEkim có giá trị: 400.000 đồng; 01 (Một) nồi cơm điện nhãn hiệu SunHouse có giá trị: 720.000 đồng; 01 (Một) bình nóng lạnh nhãn hiệu Rossi có giá trị: 800.000 đồng; 01 (Một) giá sắt để khay bánh mì có giá trị: 80.000 đồng; 157 khuôn bánh mì bần tôn sắt có giá trị: 6.280.000 đồng; 01 (Một) máy đánh trứng có giá trị: 3.800.000 đồng; 01 (Một) máy bơm nước có giá trị: 160.000 đồng; 01 (Máy) bơm rửa xe có giá trị: 600.000 đồng; 01 (Một) tủ kính đựng bánh mì có giá trị: 400.000 đồng; 01 (Một) đầu máy nổ 24 (Trung Quốc) đã hỏng có giá trị: 400.000 đồng; 01 (Một) máy hàn túi ni lon có giá trị: 400.000 đồng; 02 (Hai) quạt điện cơ có giá trị: 160.000 đồng; 01 (Một) bể nước xây gạch có giá trị: 400.000 đồng; 01 (Một) bếp ga Palona có giá trị: 480.000 đồng; 01 (Một) tủ sắt hai cánh treo quần áo có giá trị: 120.000 đồng; 01 (Một) tủ nhựa năm ngăn đựng quần áo có giá trị: 320.000 đồng; 13 xô nhựa đựng bột mì có giá trị: 1.300.000 đồng; 15 cái bát ăn cơm có giá trị: 28.000 đồng; 03 (Ba) chậu nhựa giặt quần áo có giá trị: 120.000 đồng; 10 đôi đũa cũ ăn cơm có giá trị: 8.000 đồng; 01 (Một) máy đập nấp chà sữa Eton có giá trị: 400.000 đồng - Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh C.

5. Chia tổng giá trị tài sản chung là: 298.276.000 đồng.

5.1. Nguyên đơn Nguyễn Thị N được chia **149.138.000 đồng**.

5.2. Bị đơn Nguyễn Văn V được chia **149.138.000 đồng**.

5.3. Bị đơn Nguyễn Văn V được nhận phần tài sản bằng hiện vật phải thanh toán phần giá trị cho nguyên đơn Nguyễn Thị N số tiền là **149.138.000** đồng.

6. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 4.010.000 đồng được khấu trừ trong tổng số tiền 8.020.000 đồng. Anh Nguyễn Văn V phải hoàn phải trả lại cho chị N số tiền 4.010.000 đồng.

7. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/ 0003858 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh C.

8. Về án phí giá ngạch: Nguyên đơn Nguyễn Thị N phải nộp 7.456.900 đồng; bị đơn Nguyễn Văn V phải nộp 7.456.900 đồng .

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện M.Tè
- Chi cục THADS huyện M.Tè
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lò Xuân Hải